

LUẬN XÁ LỢI PHẤT A TỖ ĐÀM

QUYỂN 23

Phẩm 2: PHẨM TƯƠNG ỨNG CỦA PHẦN NHIẾP TƯƠNG ỨNG (Phần Một)

Pháp Tâm, tâm sở, phải biết là tương ứng, phải biết là không tương ứng, phải biết không có tương ứng, phải biết chẳng phải không có tương ứng, phải biết cũng có tương ứng, không tương ứng, không có tương ứng, chẳng phải không có tương ứng, không tương ứng; phải biết cũng có tương ứng, không tương ứng, không có tương ứng; phải biết cũng có tương ứng, không tương ứng, không có tương ứng, chẳng phải không có tương ứng; phải biết cũng có tương ứng, không tương ứng, không có tương ứng, chẳng phải không có tương ứng

Tương ứng: Nghĩa là tâm tương ứng với số pháp, số pháp tương ứng với tâm. Số pháp của số pháp tương ứng với số pháp, trừ tự tánh của tự tánh, không tự tánh, không tương ứng, chẳng phải không có tương ứng.

Hỏi chính là về sự tương ứng của pháp tâm, tâm sở, nay sẽ nói:

Nhãn thức giới cho đến giới ý, giới ý thức. Xúc của thân, xúc của tâm, xúc danh, xúc đối, xúc yêu, xúc ghét, xúc minh, xúc vô minh, xúc của phần minh, xúc của phần vô minh. Lạc căn, khổ căn, hỷ căn, ưu căn, xả căn. Thọ, tưởng, tư, xúc, tư duy nhận biết, quán. Nhãn, kiến, trí, giải thoát, không có tham, không giận dữ, không có ngu si, thuận tín, ăn năn, không ăn năn, tâm vui mừng, tâm tiến, trừ (khinh an), tín, dục, không buông lung, niệm, xả, sợ hãi, sử phiền não, sử kiến, sử nghi, sử giới đạo, sử ái, sử giận dữ, sử ganh tỵ, sử keo kiệt, bủn xỉn, sử vô minh, sử man, sử trao cử, định có giác, có quán, định không có giác, có quán, định không có giác, không có quán, định Không, định Vô tướng, định Vô nguyện, tín căn, cho đến huệ căn, gọi là môn tương ứng.

Sao nói là nhãn thức giới?

Đáp: Nếu thức - nhãn căn nhân cảnh giới sắc, đã sinh, hiện đang

sinh, sẽ sinh, không nhất định, gọi là nhãn thức giới. Giới nhĩ, tỷ, thiệt, thân thức cũng như thế.

Giới ý là thế nào?

Đáp: Nếu ý biết pháp, nghĩ đến pháp, nếu tâm đầu tiên đã sinh, đang sinh, sẽ sinh không nhất định, gọi là giới ý.

Giới ý thức là sao?

Đáp: Không lìa cảnh giới của giới kia. Nếu tâm khác, giống với ý kia, đã sinh, đang sinh, sẽ sinh không nhất định, gọi là giới ý thức.

Hỏi: Thế nào là xúc thân?

Đáp: Nếu xúc tương ứng với thân thức, gọi là xúc thân. Lại nữa, xúc thân, nếu xúc tương ứng với thân năm thức: nhãn thức, nhĩ, tỷ, thiệt, thân thức thì gọi là xúc thân.

Xúc tâm là sao?

Đáp: Nếu xúc tương ứng với ý thức, gọi là xúc tâm.

Sao gọi là xúc danh?

Đáp: Nếu xúc tâm, gọi là xúc danh.

Xúc đối là sao?

Đáp: Nếu xúc thân, gọi là xúc đối.

Xúc ái là sao?

Đáp: Nếu xúc tương ứng với dục nhiễm, gọi là xúc ái.

Xúc giận dữ là thế nào?

Đáp: Nếu xúc tương ứng với sự giận dữ, gọi là xúc giận dữ.

Xúc minh là thế nào?

Đáp: Nếu xúc tương ứng với Thánh trí, gọi là xúc minh.

Sao nói là xúc vô minh?

Đáp: Nếu xúc bất thiện không tương ứng với trí, gọi là xúc vô minh.

Xúc của phần minh là sao?

Đáp: Nếu phần minh của xúc phát sinh minh, được minh có thể làm cho minh rộng lớn, gọi là xúc của phần minh.

Sao nói là xúc của phần vô minh?

Đáp: Nếu phần vô minh của xúc sinh vô minh, được vô minh có thể khiến cho vô minh rộng lớn, gọi là xúc của phần vô minh.

Lại nữa, xúc của phần minh, nếu xúc tương ứng với Nhãn Thánh, gọi là xúc của phần minh.

Lại nữa xúc của phần vô minh, hoặc xúc không phải Thánh. Không tương ứng với phiền não, gọi là xúc của phần vô minh.

Lại nữa xúc của phần minh, nếu xúc Thánh có thể được quả trí,

gọi là xúc của phần minh.

Lại nữa xúc của phần vô minh, hoặc xúc chẳng phải Thánh. Nếu thiện, vô ký, gọi là xúc của phần vô minh.

Sao nói là lạc căn?

Đáp: Nếu thân nhận thọ vui, mắt tiếp xúc với lạc thọ, tai, mũi, lưỡi, thân tiếp xúc với vui lạc thọ, gọi là lạc căn.

Khổ căn là sao?

Đáp: Nếu thân không nhận khổ, mắt tiếp xúc với khổ thọ, tai, mũi, lưỡi, thân xúc chạm với giới khổ của khổ thọ, gọi là khổ căn.

Hỷ căn là thế nào?

Đáp: Nếu tâm chịu thọ nhận niềm vui, ý tiếp xúc với giới hỷ của lạc thọ, gọi là hỷ căn.

Ưu căn là sao?

Đáp: Nếu tâm không nhận chịu nỗi khổ, ý tiếp xúc với giới ưu tư của khổ thọ, gọi là ưu căn.

Xả căn là thế nào?

Đáp: Nếu thân, tâm không nhận chịu nhận khổ, vui mắt tiếp xúc với cảnh không khổ, không vui, tai, mũi, lưỡi, thân ý tiếp xúc với giới xả bất khổ bất lạc thọ, gọi là xả căn.

Thọ là sao?

Đáp: Nếu tâm thọ nhận, gọi là thọ.

Lại nữa, thọ nhận sáu thọ: thọ của xúc nhãn, thọ của xúc, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý.

Sao nói là thọ của xúc nhãn?

Đáp: Nếu thọ tương ứng với nhãn thức, gọi là thọ của xúc nhãn, cho đến thọ của ý cũng như thế.

Lại nữa, thọ của xúc nhãn duyên nhãn, duyên sắc, phát sinh nhãn thức, ba pháp hòa hợp xúc duyên thọ, gọi là thọ của xúc nhãn, cho đến thọ của ý cũng như thế.

Tưởng là sao?

Đáp: Nếu tưởng nhớ, tưởng, tưởng vượt hơn, gọi là tưởng.

Lại nữa, sáu tưởng của tưởng: tưởng sắc, tưởng thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Tưởng sắc là thế nào?

Đáp: Nếu tưởng tương ứng với nhãn thức, gọi là tưởng sắc. Thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng như thế.

Lại nữa, tưởng sắc, cảnh giới sắc, tư duy sắc. Nếu sự tưởng nhớ của tưởng, tưởng vượt hơn, gọi là tưởng sắc. Tưởng thanh, hương, vị,

xúc, pháp cũng như thế.

Tư là sao?

Đáp: Nếu tư, tư duy chân chánh, tu duy duyên, hoặc tâm có tạo tác thì gọi là tư.

Lại nữa, tư có sáu tư: tư sắc, tư thanh, hương vị, xúc, pháp. Sao nói là tư sắc? Nếu tư tương ứng với nhãn thức, gọi là tư duy sắc. Tư duy thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng như thế.

Lại nữa, tư duy sắc, tư duy cảnh giới sắc, tư duy sắc, nếu tư duy chánh, tư duy về duyên, nếu tâm có tạo tác, gọi là tư duy sắc. Tư duy thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng như thế.

Xúc là thế nào?

Đáp: Nếu xúc, chánh xúc thì gọi là xúc.

Lại nữa, sáu xúc của xúc: xúc nhãn, xúc nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý.

Xúc nhãn là sao?

Đáp: Nếu xúc tương ứng với nhãn thức, gọi là xúc nhãn. Xúc nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng như thế.

Lại nữa, xúc nhãn duyên nhãn, duyên sắc, sinh nhãn thức, xúc của ba pháp hòa hợp, gọi là xúc nhãn. Xúc nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng như thế.

Hỏi: Thế nào là tư duy?

Nếu tâm phân biệt, so sánh, tính, lường, nhớ nghĩ, gọi là tư duy.

Lại nữa, tư duy có sáu thứ: tư duy sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Tư duy sắc là gì?

Nếu tư duy tương ứng với nhãn thức, gọi là tư duy sắc. Tư duy thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng như thế.

Lại nữa, tư duy sắc, tư duy cảnh giới sắc, nếu tâm phân biệt sắc, so sánh, tính, lường, nghĩ nhớ, gọi là tư duy sắc. Tư duy thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng như thế.

Giác là sao?

Đáp: Nếu giác, giác trùng lập, tưởng nhớ duyên theo cảnh giới, tâm, ngữ thì gọi là giác.

Lại nữa, sáu giác là giác sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Giác sắc là thế nào?

Đáp: Nếu tâm ngữ dùng cảnh giới sắc, tư duy sắc giác, giác nữa, tưởng nhớ duyên theo cảnh giới, gọi là giác sắc. Giác thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng như thế.

Quán là sao?

Đáp: Nếu tâm hành, hành vi tế, thẩm nhuần vi tế, phân biệt vi tế, tâm tùy chuyển vi tế, gọi là quán.

Lại nữa, có sáu quán: quán sắc, quán thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Quán sắc là gì?

Đáp: Nếu dùng cảnh giới sắc để tư duy sắc, hoặc tâm, hành, hành vi tế, thẩm nhuần vi tế, tâm phân biệt tùy chuyển vi tế, gọi là quán sắc. Quán thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng như thế.

Hỏi: Thế nào là nhẫn?

Đáp: Tham, lam muốn được, nếu đối với pháp thuận, không thuận, có thể chịu đựng, nhẫn nhục, gọi là nhẫn.

Kiến là sao?

Đáp: Kiến có hai thứ: hoặc nhẫn kiến, hoặc trí kiến.

Sao nói là nhẫn kiến?

Đáp: Nếu tham, lam muốn được, nếu đối với pháp thuận, không thuận, có thể chịu đựng, nhẫn nhục, gọi là nhẫn kiến.

Trí kiến là thế nào?

Đáp: Nếu nhất định chấp pháp, gọi là trí kiến.

Trí là sao?

Đáp: Nếu quyết định giữ pháp thiện, gọi là trí.

Lại nữa trí có bốn trí: pháp trí, tử trí, thế trí, và tha tâm trí, gọi là trí.

Giải thoát là thế nào?

Đáp: Nếu giải, giải trùng lập, giải rốt ráo, tâm hướng đến kia, tôn thượng kia, nghiêng hướng về kia, dùng kia mà giải thoát, gọi là giải thoát.

Lại nữa, giải thoát có sáu giải thoát: giải thoát sắc, giải thoát thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Giải thoát sắc là thế nào?

Đáp: Nếu sự giải thoát tương ứng với nhãn thức, gọi là giải thoát sắc. Sự giải thoát thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng như thế.

Lại nữa, sự giải thoát sắc, nếu dùng cảnh giới sắc, tư duy sắc, nếu giải, giải trùng lập, giải rốt ráo, tâm hướng về giải thoát, tôn thượng giải thoát, nghiêng hướng về giải thoát, người kia nhờ sắc kia được giải thoát. Giải thoát về thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng như thế.

Không có tham là sao?

Đáp: Nếu không mong cầu gọi là không có tham. Lại nữa, nếu chịu đựng lia được tâm tham, gọi là không có tham.

Lại nữa, nếu đối với năm dục, yêu, mừng, vừa ý, yêu sắc, dục

nhiễm nối tiếp nhau. Nhãn nhận thức sắc, yêu, mừng, vừa, ý yêu sắc dục nhiễm nối tiếp nhau, nhĩ, tử, thiệt, thân thức, tiếp xúc với sự yêu, mừng, vừa ý, yêu sắc dục nhiễm nối tiếp nhau. Nếu đối với dục của người, của cái, vật dụng của người, vợ, con gái của người, không muốn tham, lấy. Nếu không nặng về tham, cuối cùng không tham, không có tâm tham, không chấp mắc, không hy vọng, không yêu đắm, không nhiễm dục, và các pháp có thể tham khác, nếu không nặng về tham, không tham, rốt ráo tâm không tham đắm, không hy vọng, không yêu đắm, không nhiễm dục, gọi là không có tham.

Không giận dữ là sao?

Đáp: Nếu không có tranh tụng, gọi là không giận dữ.

Lại nữa, nếu gắng nhẫn, lìa tâm giận dữ, gọi là không giận dữ. Lại nữa, nếu đối với ít chúng sinh, hoặc nhiều chúng sinh, muốn cho chúng sinh này không bị trói buộc, không bị giam giữ, không gây tổn hại, chớ để cho chúng bị thâm khổ ngần ấy, nếu không nặng về giận dữ, không có tội độ giận dữ, không có tâm giận dữ, lìa sự giận dữ, không có tranh tụng, không oán ghét, hãm hại, không có phiền não duyên tâm, không oán ghét, lòng từ sâu nặng, từ tội độ, xót thương từ, muốn làm lợi ích cho chúng sinh. Và pháp có thể giận dữ khác, nếu không giận dữ nặng, cuối cùng không giận dữ, tâm không giận dữ, lìa sự giận dữ, không có tranh tụng, không ghét hại, không có phiền não duyên tâm không oán ghét, nặng lòng từ, từ rốt ráo, từ xót thương, muốn cho pháp lợi ích, gọi là không giận dữ.

Hỏi: Thế nào là không có si?

Đáp: Nếu sáng suốt thì gọi là không có si. Lại nữa, không có si, nếu có thể nhẫn, lìa tâm si, gọi là không có si. Lại nữa, nếu biết khổ, tập, diệt, đạo, biết bờ mé trước, bờ mé sau, biết bờ mé trước sau, biết nội, biết ngoại, biết lỗi lớn của tập diệt của sáu xúc nhập, nẻo xuất ly, biết nhân duyên, biết nghiệp báo, biết duyên sinh, thiện, bất thiện, vô ký, đen, trắng, có duyên, không có duyên, có minh, không có minh, có thể tạo tác, không thể tạo tác, đáng gần gũi, không đáng gần gũi. Nếu đối với pháp đó không có si, không có tối tăm không có quên, không có mất, chánh niệm, không có chướng ngại, không có che giấu, không có bóng tối che khuất, không có dở dang, không có triền ràng buộc, không có vẫn đục. Ngọn lửa sáng rực, thuật sáng suốt, soi rọi phương tiện giải thoát của tri kiến, huệ nhãn, huệ căn, huệ lực, trạch pháp giác, chánh kiến. Và trong pháp si khác, không có ngu si, không có tối tăm, không có quên, không có mất, chánh niệm, không có chướng ngại, không có

che khuất, không có tối tăm che lấp, không có dở dang, không có triển, không có vẫn đục. Ngọn lửa sáng rực, thuật sáng suốt, soi rọi phương tiện giải thoát của tri kiến, huệ nhãn, huệ căn, huệ lực, trạch pháp giác, chánh kiến, gọi là không có si.

Sao nói là thuận tín?

Đáp: Nếu niềm tin khéo thuận, không trái ngược, gọi là thuận tín.

Sự ăn năn là sao?

Đáp: Nếu có thể làm, mà không làm. Nếu làm, mà không làm rồi, hoặc đối với việc làm đó, tâm địa nóng bỏng, nóng bỏng nặng, nóng bỏng cuối cùng, gọi là ăn năn.

Không ăn năn là sao?

Đáp: Nếu đối việc có thể làm, không thể làm, nếu có thể làm, không thể làm rồi, hoặc đối với việc làm đó, không cháy nám, không nóng nặng, không cháy sém, không nóng, cuối cùng, không cháy sém, không nóng, gọi là không ăn năn.

Đẹp lòng là sao?

Đáp: Nếu tâm vui vẻ, hoan lạc, thọ nhận niềm vui vị mừng, gọi là đẹp lòng.

Hỏi: Thế nào là mừng?

Đáp: Nếu hoan hỷ, hớn hở, chính hớn hở, vắng lặng xa lìa sự giận dữ, gọi là mừng.

Tâm tinh tiến là sao?

Đáp: Nếu tâm phát khởi, hiển bày ra, vượt qua, gọi là tâm tinh tiến.

Hỏi: Thế nào là tâm trừ?

Đáp: Nếu tâm vui, tâm điều hòa, tâm mềm mỏng, tâm khinh an, gọi là tâm trừ.

Tín là sao?

Đáp: Nếu tín nhập tín, tín vượt hơn thì gọi là tín.

Dục là thế nào?

Đáp: Nếu muốn, muốn nữa, hy vọng muốn làm, muốn phát khởi, muốn biểu thị ra, muốn vượt qua, muốn được, muốn tiếp xúc, muốn giải thoát, muốn chứng, gọi là dục.

Không buông lung là sao?

Nếu tâm ngăn che, gìn giữ suy nghĩ muốn cho tâm không nhiễm đối với pháp nhiễm, không giận dữ đối với pháp giận dữ, không si đối với pháp si, không dính mắc pháp cấu uế, không thuận với sắc dục,

không kiêu mạn đối với pháp cao ngạo, không buông lung đối với pháp buông lung, gọi là không buông lung.

Hỏi: Thế nào là niệm?

Đáp: Nếu nghĩ, nhớ nghĩ, gọi là niệm.

Tâm xả là sao?

Đáp: Nếu buông bỏ, tâm buông bỏ vượt hơn, tâm bình đẳng, tâm quân bình, tâm thanh tịnh, không tạo tác, không thọ nhận, gọi là xả.

Sao là sợ hãi?

Đáp: Nếu đối với pháp sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, nếu chúng sinh, hoặc sợ hãi, rất sợ hãi, sợ hãi cuối cùng, tâm sợ hãi, nổi ốc, gọi là sợ hãi.

Sao nói là sử phiến não?

Đáp: Có mười sử: Sử kiến, sử nghi, sử giới đạo, sử ái, sử giận dữ, sử ganh tỵ, sử keo kiệt, tiếc rẻ, sử vô minh, sử kiêu mạn, sử trạo cử, gọi là mười sử phiến não.

Sử kiến là thế nào?

Đáp: Trừ kiến giới đạo, nếu kiến khác, gọi là sử kiến. Lại nữa, sử kiến có sáu mươi hai kiến và tà kiến, gọi là sử kiến.

Sử nghi là sao?

Đáp: Nếu có người duyên nghi hoặc quá khứ, cho quá khứ của ta có, ta không có quá khứ. Quá khứ có tánh gì? Nhân gì? Duyên gì? Nghi ngờ vị lai: Vị lai của ta có, ta không có vị lai. Vị lai có tánh gì? Nhân gì? Vị lai có duyên gì? Nghi ngờ hiện tại: Hiện tại của ta có, hiện tại của ta không có. Hiện tại có tánh gì? Nhân gì? Đâu có hiện tại là nơi sinh của ta. Chúng sinh này từ nơi nào đến? Sẽ đi về đâu?

Hoặc nghi ngờ Thế Tôn: Không biết có phải Phật, Thế Tôn hay chẳng? Thế Tôn khéo nói pháp, hay Thế Tôn không phải khéo nói pháp? Chúng Thanh văn của Đức Thế Tôn khéo hướng đến, hay chúng Thanh văn của Đức Thế Tôn không phải khéo hướng đến? Hành là thường hay hành là phi thường? Hành khổ hay hành không phải khổ? Pháp vô ngã hay chẳng phải pháp vô ngã? Niết-bàn vắng lặng hay không phải Niết-bàn vắng lặng? Có cho hay không có cho? Có thí hay không có thí? Có cúng tế hay không có cúng tế? Có quả báo của nghiệp thiện, ác; hay không có quả báo của nghiệp thiện, ác? Có đời nay hay không có đời nay? Có đời sau hay không có đời sau? Có cha mẹ hay không có cha mẹ? Có trời hay không có trời? Chúng sinh có hóa sinh hay chúng sinh không có hóa sinh? Thế gian có Sa-môn, Bà-la-môn, chính thú hướng chính đến nơi, như đời nay, đời sau, tự chứng biết, nêu bày; hay thế

gian không có Sa-môn, Bà-la-môn chánh thú hướng chánh, đến nơi, như đời nay, đời sau, thân chứng biết, nêu bày? Nếu đối với pháp kia, nghi hoặc, nghi hoặc chồng chất, nghi hoặc cuối cùng, tâm không quyết định, hai tâm do dự, tâm nghi, không hiểu rõ ràng, vô lượng nghi không hết, không giải thoát, do dự, lại do dự, do dự cuối cùng thì gọi là sử nghi.

Sử giới đạo là sao?

Đáp: Nếu kiến giới đạo thì gọi là sử giới đạo. Lại nữa, cho giới làm tịnh, lấy giới trộm là thanh tịnh giải thoát không nương tựa, dứt hết bờ mé của tất cả khổ, hoặc nhân dục giác xúc chứng giới, nghĩa là gìn giữ thân, miệng đạo nghĩa là tà, nuôi tốt tóc, kính thờ nước, lửa, mặt trời, mặt trăng, giữ giới bò, nai, chó, im lặng v.v... để mong cầu báo lực sĩ, tôn quý trong cõi người, trời.

Siêng năng thực hành tà hạnh khổ hạnh như thế, gọi đó là đạo. Nếu giới, nếu đạo, tìm kiếm, tìm kiếm rồi, lấy giới đạo này làm tịnh, làm tịnh rồi làm giải thoát, làm giải thoát rồi, lấy giải thoát, tịnh này làm bậc Thánh, làm La-hán, làm Niết-bàn. Nếu đối với tà đạo đó, chịu ham muốn, có thể tha hồ ưa đắm, gọi là sử giới đạo.

Sử ái là sao

Đáp: Nếu dục nhiễm thì gọi là sử ái.

Sử giận dữ là thế nào?

Đáp: Nếu ghét, giận dữ, gọi là sử giận dữ.

Sử ganh tỵ là sao?

Đáp: Nếu thấy người khác được lợi dưỡng, cung kính, tôn trọng, khen ngợi, lễ bái, thì ganh ghét, tâm giận dữ, phẫn nộ, ganh ghét, gọi là sử ganh tỵ.

Hỏi: Thế nào là sử keo kiệt, bủn xỉn?

Đáp: Nếu keo kiệt, tiếc nuôi tài, vật, với tâm tham không buông bỏ, gọi là sử keo kiệt, tiếc rẻ.

Sử vô minh là sao?

Đáp: Căn bất thiện si, gọi là sử vô minh.

Sử kiêu mạn là sao?

Đáp: Nếu kiêu mạn tự cao, gọi là sử kiêu mạn.

Sử trạo cử là thế nào?

Đáp: Nếu dao động bất định, phát ra sự rong ruổi buông thả, không vắng lặng, không chánh vắng lặng, không thôi dứt, gọi là sử trạo cử. Định có giác, có quán, định không có giác, có quán, định không có giác, không có quán, định không, vô tướng, vô nguyện, như trong ba chi đạo của phẩm đạo đã nói rộng.

Tín căn là sao?

Đáp: Người tu lìa phiền não, với tâm Thánh thú hưởng đến đạo Thánh. Nếu Kiên tín, Kiên pháp và người ở đường khác như thấy lỗi lầm tai hại, quán sự vắng lặng của Niết-bàn, quán như thật về khổ tập, diệt, đạo, chưa được, muốn được, chưa hiểu muốn hiểu, chưa chứng, muốn chứng, người kiến học tu đạo, lìa phiền não. Nếu Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm đầy đủ quán hạnh. Nếu địa trí, hoặc quán tâm giải thoát, thì được quả Sa-môn, quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm. Người Vô học A-la-hán chưa được pháp của bậc Thánh, muốn được tu đạo, quán hạnh đầy đủ, nếu địa trí, nếu quán tâm giải thoát, tức sẽ được quả A-la-hán. Như người thật như người thú hưởng hoặc tín nhập tín, vượt hơn tín chân tín, tâm tịnh, gọi là tín căn, tiến niệm, định, huệ căn cũng như thế.

